

Số: 796 /TTr-UBND

Quảng Bình, ngày 16 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành “Nghị quyết Quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình”

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Thông tư số 02/2021/TT- BYT ngày 25/1/2021 của Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình dự thảo “*Nghị quyết Quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình*”, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Những năm qua, công tác dân số của tỉnh Quảng Bình đã đạt được nhiều kết quả, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chất lượng dân số được nâng lên, tuổi thọ bình quân 72,1 tuổi (toàn quốc là 73,6 tuổi). Đạt được kết quả đó có sự đóng góp rất lớn của đội ngũ cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em, họ được đánh giá là “chân rết”, là “cánh tay” nối dài của ngành dân số và đã hoạt động hiệu quả để đưa chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình đến với nhân dân.

Hiện nay cộng tác viên dân số thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định Thông tư số 02/2021/TT- BYT ngày 25/1/2021 của Bộ Y tế; có trách nhiệm cùng nhân viên y tế thôn và cộng tác viên các chương trình khác trên địa bàn tuyên truyền, vận động về công tác dân số, vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trong địa bàn quản lý. Cộng tác viên dân số ở cơ sở được bố trí phụ trách công việc theo địa bàn, khu phố, đảm bảo mỗi thôn, bản, cụm dân cư có ít nhất 1 cộng tác viên; được xác định theo số hộ gia đình, cụ thể thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn có quy mô số hộ lớn 100 hộ thì bố trí thêm cộng tác viên để đảm bảo một cộng tác viên quản lý từ 75-100 hộ; thôn, khu phố thuộc các xã còn lại vượt quá 180 hộ thì bố trí thêm cộng tác viên để đảm bảo một cộng tác viên quản lý từ 120-180 hộ (Tổng số cộng tác viên dân số toàn tỉnh là: 1.744 người; trong đó: số cộng tác viên vùng đặc biệt khó khăn là: 168 người; số cộng tác viên vùng còn lại là: 1.576 người).

Thù lao của cộng tác viên dân số được quy định tại mục 2, Điều 2, Chương I, Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020. Trước đây, thù lao của cộng tác viên dân số chi từ nguồn kinh phí chương trình mục tiêu Y tế - Dân số nhưng từ năm 2017 đến năm 2021 đều do ngân sách địa phương đảm bảo. Tuy nhiên, đến năm 2022, Thông tư số

vu

26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính đã không còn phù hợp do Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số đã kết thúc.

Về Y tế thôn bản: Thực hiện theo Thông tư 07/2013/TT-BYT ngày 18/03/2013 của Bộ Y tế với chức năng làm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và là cánh tay nối dài của hệ thống y tế tuyến cơ sở. Từ năm 2020 trở về trước, tại tỉnh Quảng Bình có hơn 1000 nhân viên YTTB hoạt động và được hưởng phụ cấp theo quy định của cấp có thẩm quyền quy định.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Theo đó, từ năm 2020 đến nay, nhân viên Y tế thôn bản không thuộc đối tượng được chi trả phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Do đó việc lồng ghép xây dựng Nghị quyết về mức hỗ trợ thống nhất trong toàn tỉnh cho công tác viên dân số kiêm y tế thôn bản là cần thiết và phù hợp, đặc biệt là trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 có những diễn biến hết sức phức tạp như hiện nay. Tuy nhiên, việc xây dựng Nghị quyết này cần phải rà soát và thống nhất xây dựng lại từ ban đầu, đòi hỏi cần nhiều thời gian. Mặt khác, nếu xây dựng Nghị quyết lồng ghép nhiệm vụ này thì một số công tác viên dân số không có bằng cấp, chuyên môn về y sẽ không được tiếp tục đảm nhận công việc.

Nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về công tác dân số trong tình hình mới”, việc ban hành “*Nghị quyết Quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình*” là hết sức cần thiết, là cơ sở để UBND tỉnh xây dựng và ban hành các văn bản liên quan, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để các sở, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, của các bộ, ngành Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đối với Nghị quyết số 21-NQ/TW.

- Đảm bảo chính sách đãi ngộ thỏa đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ công tác viên Dân số-Kế hoạch hoá gia đình thôn, bản, cụm dân cư phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của công tác dân số trong tình hình mới.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII nêu rõ “Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết và vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân”.

uk

Đồng thời cũng đã nhấn mạnh việc chuyển trọng tâm từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; công tác dân số phải giải quyết toàn diện cả về quy mô, cơ cấu, phân bố và đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số.

So với nhiệm vụ trước đây chủ yếu chỉ thực hiện tuyên truyền, vận động kế hoạch hóa gia đình để thực hiện tốt quy mô dân số, cơ cấu dân số và nâng cao chất lượng dân số giờ đây, đội ngũ công tác viên dân số phải đảm nhận thêm nhiệm vụ quan trọng là nắm bắt tình hình liên quan đến dân số như: Dân số đi - đến, sinh - tử, ly hôn, kết hôn, cập nhật về tình hình dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em..., giúp địa phương đưa ra được những giải pháp hiệu quả nhất trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

Tại khoản 2, điều 4, Thông tư số 02/2021/TT- BYT ngày 25/1/2021 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số quy định: “Mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định”.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Triển khai Thông báo số 37/TB-TTHĐND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung Hội nghị liên tịch chuẩn bị kỳ họp thứ 5 (kỳ họp chuyên đề); UBND tỉnh đã giao Sở Y tế xây dựng dự thảo Nghị quyết và tổ chức lấy ý kiến góp ý của Sở Tài chính và các cơ quan, tổ chức liên quan; tổng hợp, tiếp thu và hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- UBND tỉnh cũng đã tổ chức lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết của các thành viên UBND tỉnh.

Trên cơ sở ý kiến góp ý, ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND tỉnh đã chỉ đạo tổng hợp, tiếp thu hoàn chỉnh và gửi Ban Văn hóa – Xã hội, HĐND tỉnh thẩm định, thống nhất trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 05 Điều, trong đó:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Mức chi

Điều 4: Kinh phí thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết này quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số thôn, bản, cụm dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Mức chi bồi dưỡng

cho cộng tác viên bao gồm:

- Vùng đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gọi là vùng đặc biệt khó khăn): 200.000đ/người/tháng.

- Vùng còn lại: 150.000đ/người/tháng.

(có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KT&NS, HĐND tỉnh;
- Ban VHXH, HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VPUBND tỉnh;
- Các Sở: YT, TC;
- Lưu: VT, TH, NCVX .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *th*
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ An Phong

SỐ LƯỢNG CỘNG TÁC VIÊN DÂN SỐ THÔN, BẢN, CỤM DÂN CƯ
(Kèm theo Tờ trình số 796 /TTr-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Tổng số cộng tác viên	Trong đó số CTV:		Ghi chú
			Thuộc vùng đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021; Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022)	Địa bàn còn lại	
A	1	2	3	4	5
	Toàn tỉnh	1.744	168	1.576	
1	Thành phố Đồng Hới	178	0	178	
2	Thị xã Ba Đồn	180	0	180	
3	Huyện Minh Hoá	138	65	73	
4	Huyện Tuyên Hoá	212	16	196	
5	Huyện Quảng Trạch	224	9	215	
6	Huyện Bố Trạch	343	19	324	
7	Huyện Quảng Ninh	182	15	167	
8	Huyện Lệ Thuỷ	287	44	243	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên
dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003; Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh dân số ngày 27 tháng 12 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của công tác viên dân số;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố (sau đây gọi là thôn) trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Công tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố.
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý và sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện nhiệm vụ chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số.

Điều 3. Mức chi

- Đối với vùng đặc biệt khó khăn: 200.000đ/người/tháng.
- Đối với vùng còn lại: 150.000đ/người/tháng.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số được bố trí từ nguồn ngân sách sự nghiệp y tế hàng năm.

2. Các nội dung quy định khác về quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ cộng tác viên thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khoá, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày.... tháng..... năm 2022.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- VP Quốc hội, Chính phủ, CT nước;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Y tế, Tổng cục DS-KHHGD;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- CT, PCT HĐND;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy; HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- và các cơ quan TW trên địa bàn;
- Báo Quảng Bình;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học-Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX.

CHỦ TỊCH